|  |  |
| --- | --- |
| UBND TP. HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG  CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**  Số: 188 /QĐ-CNTĐ-ĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2017* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học  
trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức**

**HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**

Căn cứ Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ban hành theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 1982/QĐ/TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Điều lệ trường cao đẳng ban hành kèm theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư quy định khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng đào tạo ngày 18 tháng 09 năm 2017 về việc thống nhất quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Công nghệ thông tin, Trưởng khoa Tiếng Anh, Trưởng khoa Tiếng Hàn và Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành Quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học trình độ trung cấp, cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông (Bà) Trưởng phòng, Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm và các cá nhân có liên quan thuộc Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Các Phòng/Khoa/TT;

- Lưu.

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Lý**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TP. HỒ CHÍ MINH  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG  CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH VỀ CHUẨN ĐẦU RA   
NGOẠI NGỮ, TIN HỌC TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG  
TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 188/QĐ-CNTĐ-ĐT ngày 12/10/2017  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về chuẩn đầu ra và việc xét miễn học, miễn thi ngoại ngữ, tin học đối với học sinh, sinh viên (sau đây gọi chung là HSSV) trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.
2. Quy định này áp dụng cho HSSV trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy tại trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức từ khóa tuyển sinh năm 2017.

**Chương II  
CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ**

**Điều 2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ cao đẳng**

1. Đối với ngành Tiếng Anh:
2. Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 4.5 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương;
3. Học và đạt các học phần ngoại ngữ thứ hai được quy định trong chương trình đào tạo.
4. Đối với ngành Tiếng Hàn quốc:
5. Có chứng chỉ Tiếng Hàn tương đương Topik 2 cấp độ 4;
6. Học và đạt các học phần ngoại ngữ thứ hai được quy định trong chương trình đào tạo.
7. Đối với các ngành không chuyên ngữ:

Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC 350 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương.

1. Các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương được quy định tại Phụ lục 1.

**Điều 3. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ trình độ trung cấp**

1. Đối với ngành Tiếng Anh:
2. Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 4.0 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương;
3. Học và đạt các học phần ngoại ngữ thứ hai được quy định trong chương trình đào tạo.
4. Đối với ngành Tiếng Hàn quốc:
5. Có chứng chỉ Tiếng Hàn tương đương Topik 2 cấp độ 3;
6. Học và đạt các học phần ngoại ngữ thứ hai được quy định trong chương trình đào tạo.
7. Đối với ngành Tiếng Nhật:
8. Có chứng chỉ Tiếng Nhật tương đương N3 quốc tế JLPT;
9. Học và đạt các học phần ngoại ngữ thứ hai được quy định trong chương trình đào tạo.
10. Đối với các ngành không chuyên ngữ:

Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC 250 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương.

1. Các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương được quy định tại Phụ lục 1.

**Điều 4. Xét miễn học, chuyển điểm các học phần ngoại ngữ**

1. HSSV thỏa mãn một trong các điều kiện sau có thể làm đơn đề nghị miễn học các học phần ngoại ngữ:
2. Trình độ trung cấp:

* Học sinh được miễn học các học phần Tiếng Anh khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC 250 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương còn hiệu lực;
* Đạt giải 1, 2, 3 hoặc giải khuyến khích trong các kỳ thi học sinh giỏi Tiếng Anh bậc trung học phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Anh.
* Học sinh được miễn học các học phần Tiếng Hàn Quốc khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Hàn Topik 1 cấp độ 1;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Hàn Quốc.
* Học sinh được miễn học các học phần Tiếng Nhật khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Nhật tương đương N5 JLPT 70 điểm trở lên;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Nhật.

1. Trình độ cao đẳng:

* Sinh viên được miễn học các học phần Tiếng Anh khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC 350 quốc tế hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương còn hiệu lực;
* Đạt giải 1, 2, 3 hoặc giải khuyến khích trong các kỳ thi học sinh giỏi Tiếng Anh bậc trung học phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Anh.
* Sinh viên được miễn học các học phần Tiếng Hàn Quốc khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Hàn Topik 1 cấp độ 2;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Hàn Quốc.
* Học sinh được miễn học các học phần Tiếng Nhật khi:
* Có chứng chỉ Tiếng Nhật tương đương N5 JLPT 80 điểm trở lên;
* Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Tiếng Nhật.

1. Việc miễn học không áp dụng cho các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chuyên môn ngành nghề.
2. HSSV đã học và đạt các học phần ngoại ngữ tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức có thể làm đơn đề nghị chuyển điểm các học phần đã học.
3. HSSV không đủ điều kiện hoặc không làm đơn đề nghị miễn học hoặc chuyển điểm phải học tất cả các học phần ngoại ngữ theo quy định.
4. Trước khi có quyết định và danh sách HSSV được xét miễn học hoặc chuyển điểm chính thức, HSSV phải tham gia học tập đầy đủ các học phần ngoại ngữ theo quy định.
5. Việc xét miễn học hoặc chuyển điểm các học phần ngoại ngữ được thực hiện theo quy trình xét miễn học hoặc chuyển điểm của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

**Chương III  
CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC**

**Điều 5. Chuẩn đầu ra Tin học đối với các ngành không thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin (CNTT)**

1. Trình độ Cao đẳng:

* Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức công nhận.

1. Trình độ Trung cấp:

* Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức công nhận.

1. Để được xét đạt chuẩn đầu ra Tin học, HSSV có thể:

* Nộp chứng chỉ kỹ năng sử dụng CNTT theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
* Nộp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT do Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp.

1. Để được Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản HSSV phải học và đạt 06 Module gồm:

* Module 01: Hiểu biết về CNTT cơ bản
* Module 02: Sử dụng máy tính cơ bản
* Module 03: Xử lý văn bản cơ bản
* Module 04: Sử dụng bảng tính cơ bản
* Module 05: Sử dụng trình chiếu cơ bản
* Module 06: Sử dụng Internet cơ bản

1. Để được Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao, sinh viên phải đạt 06 Module cơ bản và 03 Module nâng cao theo từng lĩnh vực đào tạo, cụ thể:

* Các ngành thuộc lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật:
* Module 07: Xử lý văn bản nâng cao
* Module 09: Sử dụng trình chiếu nâng cao
* Module 11: Thiết kế đồ họa hai chiều ***hoặc*** Module 12: Biên tập ảnh
* Các ngành thuộc lĩnh vực khác:
* Module 07: Xử lý văn bản nâng cao
* Module 08: Sử dụng bảng tính nâng cao
* Module 09: Sử dụng trình chiếu nâng cao

**Điều 6. Xét miễn học, chuyển điểm học phần Tin học**

1. HSSV thỏa mãn một trong các điều kiện sau có thể làm đơn đề nghị miễn học học phần Tin học:
2. HSSV có chứng chỉ kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc nâng cao theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;
3. HSSV có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên các ngành thuộc lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin;
4. HSSV đã học và đạt học phần Tin học tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức có thể làm đơn đề nghị chuyển điểm các học phần đã học.
5. HSSV không đủ điều kiện hoặc không làm đơn đề nghị miễn học hoặc chuyển điểm phải học học phần Tin học theo quy định.
6. Trước khi có quyết định và danh sách HSSV được xét miễn học hoặc chuyển điểm chính thức, HSSV phải tham gia học tập đầy đủ học phần Tin học theo quy định.
7. Việc xét miễn học hoặc chuyển điểm học phần Tin học được thực hiện theo quy trình xét miễn học hoặc chuyển điểm của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Quản lý Đào tạo, các Phòng, Khoa, Trung tâm, Cố vấn học tập có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy định này và thông báo, hướng dẫn đến HSSV.
2. Phòng Thanh tra – Pháp chế chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức xác minh văn bằng, chứng chỉ cho HSSV theo quy định.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phối hợp Phòng Quản lý Đào tạo để tham mưu, kiến nghị Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Lý**

***PHỤ LỤC 1***

**BẢNG QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ TƯƠNG ĐƯƠNG**

* **Áp dụng cho HSSV không chuyên ngữ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bậc** | **Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)** | **TOEIC** | **IELTS** | **TOEFL iBT** | **CAMBRIDGE TEST** | **BULATS** | **BEC** |
| 1 | A1 | 250 | 2.5 | 20 | 100 (KET) | 15 |  |
| 2 | A2 | 350 | 3.0 | 30 | 120 (KET) | 20 | 40 (Pre) |

*Lưu ý: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.*

* **Áp dụng cho HSSV chuyên ngành Tiếng Anh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bậc** | **Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)** | **TOEIC** | **IELTS** | **TOEFL**  **iBT** | **CAMBRIDGE TEST** | **BULATS** | **BEC** |
| 3 | B1 | Nghe và Đọc: 500  Nói: 120; Viết: 110 | 4.5 | 53 | 150 (FCE) | 50 | 50 (Vantage) |
| Nghe và Đọc: 450  Nói: 105; Viết: 90 | 4.0 | 45 | 140 (FCE) | 40 | 65 (Pre) |

*Lưu ý: Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được.*